TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH QUẢNG NAM** **--------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **---------- **

Bản án số:252/2019/ HNGĐ-ST
Ngày 28/11/2019
V/v Tranh chấp: ***Ly hôn***

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ái Linh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Lê Thị Kim Phụng
2. Ông Nguyễn Đình Bạn

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Trang – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Đ.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên toà: bà Trương Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 217/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2019 về tranh chấp "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2019/QĐXX-ST ngày 15 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: chị Nguyễn Thị T, địa chỉ: thôn ĐA, xã ĐN, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; *có mặt*.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Hoàng A, địa chỉ: thôn ĐA, xã ĐN, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; số điện thoại: *có đơn xin vắng mặt*

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Lê Tấn H, chức vụ: Giám đốc Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Đ thuộc Chi nhánh tỉnh Quảng Nam theo văn bản ủy quyền số 7300/QĐ-NHCS ngày 19/9/2019 của Tổng giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam.

Ông Lê Tấn H ủy quyền cho bà Lê Thị Xuân T – chức vụ: Phó Giám đốc tham gia tố tụng theo giấy ủy quyền số 371/GUQ-PGD ngày 27/11/2019.

Địa chỉ: Khu PM, thị trấn AN, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 9 năm 2019 và tại phiên Toà hôm nay nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Hoàng A tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐN vào năm 1998. Trong quá trình

chung sống đến năm 2009 vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, anh A ngoại tình về nhiều lần gây gỗ, đánh đập, chửi mắng vợ con. Năm 2018 chị T có khởi kiện ly hôn nhưng qua hòa giải, vợ chồng trở về đoàn tụ, tuy nhiên mâu thuẫn vẫn không được giải quyết. Ngày 14/9/2019, khi vợ chồng cãi vã, anh A tiếp tục đánh đập chị nên chị đã bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống.

Nay chị T xét thấy hạnh phúc vợ chồng đã thực sự tan vỡ, mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng A để chị được tự do định đoạt cuộc sống riêng của mình.

Về con chung: vợ chồng có 02 cháu là Nguyễn Tấn Đ1, sinh ngày 03/11/1999 và Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 17/4/2009, hiện đang sống với anh A. Nay ly hôn chị T có nguyện vọng được nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đ cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi và không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu Đạt đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa can thiệp.

Về tài sản chung vợ chồng tự giải quyết, không yêu cầu Tòa can thiệp.

Về nợ chung: vợ chồng có vay của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ số tiền nợ gốc 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*) và lãi phát sinh, do đây là khoản vay sử dụng việc làm ăn của anh A nên đề nghị anh A chịu trách nhiệm trả.

Tại hồ sơ vụ án bị đơn Nguyễn Hoàng A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh A thống nhất với lời khai của chị T về quan hệ hôn nhân của vợ chồng. Anh thừa nhận trong quá trình chung sống, vợ chồng bất đồng quan điểm, lúc cãi vã nóng giận anh có đánh chị T. Anh đã cam kết với chị T sẽ sửa đổi bản thân và đề nghị chị T trở về đoàn tụ nhưng chị T không đồng ý. Nay anh A xét thấy bản thân còn thương vợ, không muốn gia đình tan vỡ làm ảnh hưởng xấu đến con cái nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: anh A thống nhất lời trình bày của chị T về quan hệ con chung. Trong trường hợp vợ chồng ly hôn, anh đồng ý giao cháu Đ cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng. Đối với cháu Nguyễn Tấn Đ1 đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa can thiệp.

Về tài sản chung vợ chồng tự giải quyết, không yêu cầu Tòa can thiệp.

Về nợ chung: vợ chồng có vay của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ số tiền nợ gốc 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*) và lãi phát sinh, anh A đồng ý chịu trách nhiệm trả toàn bộ số nợ này.

Tại phiên tòa đại diện người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam là bà Lê Thị Xuân Trang trình bày:

Theo hợp đồng vay số 6600000713601488 ngày 09/9/2018, ông Nguyễn Hoàng A và bà Nguyễn Thị T có vay của Ngân hàng số tiền nợ gốc 30.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất 6,6%/năm, mục đích đầu tư chăn nuôi bò sinh sản. Nay Ngân hàng đồng ý với thỏa thuận của vợ chồng về việc giao cho ông Anh chịu trách nhiệm hoàn trả số nợ trên.

Tại hồ sơ vụ án cháu Nguyễn Tấn Đ có nguyện vọng sống với mẹ là chị Nguyễn Thị T.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu quan điểm:

Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định pháp luật.

Đối với nguyên đơn Nguyễn Thị T và bị đơn Nguyễn Hoàng A thực hiện việc khởi kiện, cung cấp chứng cứ, trình bày ý kiến và thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị T và anh A đã thật sự trầm trọng, tình yêu không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị T được ly hôn với anh A. Về con chung đề nghị giao cháu Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 17/4/2009 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi là phù hợp. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập. Về tài sản chung chị T, anh A khai không yêu cầu Tòa can thiệp nên không đề cập. Về nợ chung vợ chồng đề nghị chấp nhận ý kiến của các bên đương sự, giao cho anh A chịu trách nhiệm toàn bộ khoản nợ gốc 30.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng vay cho đến khi trả xong nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu hiện có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn Nguyễn Hoàng A có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại Điều khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự và đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của các bên đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Hoàng A thì thấy anh chị đã xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của các bên khi giải quyết vụ án.

Xét thực trạng quan hệ hôn nhân của anh A, chị T thì thấy: Thể hiện tại lời khai của anh A, chị T và kết quả xác minh tại địa phương, trong quá trình chung sống, do bất đồng quan điểm nên giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Tại hồ sơ vụ án anh A thừa nhận khi vợ chồng mâu thuẫn, cãi vã anh A có đánh chị T. Năm 2018, chị T có khởi kiện yêu cầu ly hôn nhưng qua hòa giải vợ chồng trở về đoàn tụ, tuy nhiên từ đó đến nay mâu thuẫn vẫn không được giải quyết. Tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa chị T cương quyết xin ly hôn. Anh A cho rằng anh còn thương yêu vợ và không muốn gia đình đỗ vỡ nên không đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng anh A, chị T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã có thời gian sống ly thân, không quan tâm chăm sóc nhau nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh A là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Xét yêu cầu về nuôi con chung của vợ chồng thì thấy: Tại hồ sơ vụ án cháu Nguyễn Tấn Đ có nguyện vọng sống với mẹ, phù hợp với yêu cầu của chị T. Anh A cũng đồng ý giao cháu Đ cho chị T nuôi dưỡng. Vì vậy Hội đồng xét xử

công nhận ý kiến thỏa thuận của chị T và anh A, giao cháu Nguyễn Tấn Đ cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi là phù hợp với thực tế và không trái pháp luật.

Tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa chị T không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung:

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án chị T, anh A khai không có yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đề cập.

Về nợ chung: Hội đồng xét xử xét thấy nên chấp nhận ý kiến của chị T, anh A và đại diện Ngân hàng Chính sách xã hội Việt nam về việc giao cho anh A chịu trách nhiệm hoàn trả toàn bộ khoản nợ gốc 30.000.000 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng vay cho Ngân hàng là phù hợp với thực tế và không trái pháp luật.

[2.4] Về án phí: Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc chị T phải chịu án phí kiện xin ly hôn 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 227, 228, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự

Căn cứ vào các Điều 37, 56, 59, 60, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Tuyên xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng A.

- *Về con chung*: Giao cho chị Nguyễn Thị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Tấn Đ (sinh ngày 17/4/2009) cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi.

Chị Nguyễn Thị T không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Hoàng A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai có quyền cản trở. Khi có lý do chính đáng các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: vợ chồng thống nhất tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa can thiệp nên không đề cập.

- *Về nợ chung*: Giao cho anh Nguyễn Hoàng A chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Đ số tiền gốc 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*) và tiền lãi phát sinh theo quy định tại hợp đồng vay số 6600000713601488 ngày 09/9/2018 giữa các bên đã ký kết cho đến khi trả xong nợ.

- *Về án phí:* Án phí kiện xin ly hôn số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng y*) chị Nguyễn Thị T phải chịu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng y*) chị T đã nộp theo biên lai thu số 003404 ngày 14/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Đ.

- *Về quyền kháng cáo:* Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm. Đối với

bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Đã giải thích luật thi hành án dân sự).

Nơi nhận:
- TAND T. Quảng Nam;
- VKSND H.Đ;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Chi cục THADAS H. Đ;
- UBND xã ĐN
- Lưu hồ sơ vụ án

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ái Linh